

LAI TẠO CHỌN LỌC VÀ NHÂN GIỐNG LÚA CÁC TỈNH PHÍA NAM TỪ KHI BẮT ĐẦU CUỘC CÁCH MẠNG XANH ĐẾN NAY

Dương Văn Chín¹

I) Lai tạo chọn lọc giống lúa tại Việt nam từ cuộc Cách Mạng Xanh đến nay.

Ở Vương quốc Chiêm (miền Trung Việt nam), giống lúa không quang cảm đã tồn tại ở đây trước Thiên chúa giáng sinh. Lúa Chiêm đã được du nhập về đồng bằng sông Hồng vào khoảng 200 năm trước Công nguyên và với giống lúa Chiêm không quang cảm này đã cho phép trồng được hai vụ lúa trong năm, một vụ mùa nắng và một vụ mùa mưa. Kỹ thuật trồng hai vụ lúa trong năm tại Trung Quốc hiện nay là do người Hoa thời cổ đại đã học tập kỹ thuật này từ Việt nam (Trần Văn Đạt, 2001). Sau này, nhiều cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học trên khắp thế giới bắt đầu chú ý nghiên cứu các giống lúa ngắn ngày không quang cảm để trồng được nhiều vụ trong năm. Vào năm 1962, Viện nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) có căn cứ tại Phillippines đã bắt đầu chương trình lai tạo chọn lọc giống lúa để tăng cường phát triển sản xuất lúa gạo toàn thế giới. Thành công đầu tiên là giống IR8, một dòng con lai giữa giống Dee-woo-gen, một giống ngắn ngày và không quang cảm từ Đài loan và giống Peta, cao cây và cứng rạ từ Indonesia. Giống IR 8 được phóng thích thương mại vào năm 1966, và nó mở đầu cho kỷ nguyên Cách Mạng Xanh. Đặc trưng cơ bản của cuộc Cách Mạng Xanh là năng suất lúa tăng cao, sản lượng gia tăng nhanh chóng do trồng các giống lúa cải thiện thấp và cứng cây, ngắn ngày, không quang cảm, đáp ứng với phân đạm rất cao mà không dễ đổ ngã. Vào tháng 5 năm 1966, Trung tâm nghiên cứu lúa Long Định cơ sở đặt tại tỉnh Định Tường (nay là Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam, tỉnh Tiền Giang) đã tiếp nhận 10 kg lúa giống IR8 từ IRRI để thí nghiệm. Giống lúa đã thể hiện những đặc điểm về năng suất vượt trội so với các giống lúa mùa địa phương lúc bấy giờ. Năm 1968, giống lúa IR 8 có mặt tại miền Bắc Việt nam và được đặt tên là giống NN8. Giống IR 8 được lan tỏa ra và trồng trên diện rộng ở cả miền Nam và miền Bắc Việt nam.

Công việc nghiên cứu tạo giống của IRRI tiếp tục mở rộng. Những giống được phóng thích sau đó là: IR 5, IR 20, IR 22, TN 73-1, TN 73-2, IR 26, IR 30. Vào năm 1976 những giống này bị tấn công bởi một làn sóng rầy nâu. Để chống lại sự gây hại của loài côn trùng này, một giống mới rất kháng rầy đã được phóng thích, đó là giống IR 36. Song song với việc du nhập những giống mới từ IRRI, các nhà khoa học Việt nam cũng đã tự tổ chức lai tạo chọn lọc giống để phù hợp với điều kiện đặc thù Việt nam. Đến năm 2001, ở miền Bắc, những giống lúa phổ biến là: U 7, C 10, C 15, V 13, V 14, MK 46, X 2, X 3 và CR 203. Ở miền Nam, những giống được nông dân chấp nhận và trồng trên diện rộng là: IR 36, OMCS 2000, OM 1490, MTL 250, VNĐ 95-20. Lúa lai cũng được du nhập và phát triển tại nước ta. Lúa ưu thế lai được phát minh lần đầu tiên tại Trung Quốc và phát triển thành công tại miền Bắc Việt nam. Những giống được trồng tại đây như Sán Ưu 63, Sán Ưu Quế 99, Nhị Ưu 63, Nhị Ưu 838, Bồi Tạt Sơn Thanh.

Trong giai đoạn từ năm 1991-2000, kinh phí nhà nước đầu tư cho nghiên cứu giống nông nghiệp trên toàn quốc rất thấp và chỉ đạt 15 tỷ đồng trong vòng 10 năm đó. Vào ngày 10/9/1999, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 225/1999/QĐTTg về chương trình: << Giống cây trồng, vật nuôi và giống cây lâm nghiệp thời kỳ 2000- 2005>>. Tổng kinh phí cho chương trình này là 3.650 tỷ đồng. Trong số này có 54 đề tài về chọn tạo giống nông nghiệp với kinh phí 148 tỷ đồng trong 5 năm (trung bình 30 tỷ đồng/ năm cho cả giống cây trồng và vật nuôi). Trong giai đoạn 5 năm này, 69 giống lúa được tạo ra và công nhận. Trong vòng 18 năm (1986- 2004), tổng số giống lúa được công nhận trong cả nước là 149 giống. Trong số 149 giống lúa được công nhận này thì có đến 43 giống (chiếm tỷ lệ 28,9%) không còn tồn tại trong sản xuất và 27 giống thì tồn tại với diện tích rất nhỏ. Giống lai tạo chọn lọc trong nước chiếm 42,2% diện tích gieo trồng, giống nhập nội 43,8% và giống địa phương 6,5%. Cả nước hiện có 680 giống đang được gieo trồng, kể cả các giống địa phương bản địa.

Tính đến cuối năm 2005, tổng số các giống lúa hiện diện trong sản xuất là 177 giống, trong đó các tỉnh phía Bắc có 102 giống và các tỉnh phía Nam có 75 giống (Phạm Đồng Quang và ctv., 2005). Các giống lúa đang có trong sản xuất ở phía Bắc gồm: 26 giống lúa Xuân sớm, 17 giống lúa Xuân chính vụ, 4 giống mùa chính vụ, 22 giống Xuân muộn mùa sớm, 16 giống lúa ưu thế lai và 17 giống lúa thuần Trung Quốc. Tại các tỉnh phía Nam (theo nghĩa rộng bao gồm duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và

¹ PGS.TS- Phó Viện trưởng Viện lúa đồng bằng sông Cửu long

đồng bằng sông Cửu long) có 75 giống bao gồm: 7 giống lúa cực ngắn ngày (Nhóm A0), 33 giống ngắn ngày (Nhóm A1), 10 giống trung ngày (Nhóm A2), 8 giống lúa dài ngày (Nhóm B), 8 giống lúa thơm và đặc sản và 9 giống lúa cạn.

II) Lai tạo chọn lọc giống lúa các tỉnh phía Nam

1) Các giống lúa trong sản xuất

Tính đến cuối năm 2005, 75 giống lúa đang còn phục vụ sản xuất là: (i) Các giống lúa cực ngắn ngày thuộc nhóm A0: OMCS 90 (IR 49517-23), OMCS 94(IR 59606), OMCS 95-3, OMCS 95-5, OMCS 96, OMCS 2000, OM 3536 (OMCS 21).

(ii) Các giống lúa ngắn ngày thuộc nhóm A1 gồm: TNĐB 100, ML 4, ML 48, MTL 143 (IR 66707), MTL 141 (IR 56279), OM 1706, OM 1633, OM 576-18 (Hàm Trâu, Trâu Năm), OM 90-2, MTL 98, TH 6, OM 997-6, VNĐ 99-3, VNĐ 404, VNĐ 95-19, VNĐ 95-20, VNN 97-6 (LT 751), MTL 233, MTL 243, MTL 250, OM 2718, AS 996-9, OM 3007-42-94 (CM 42-94), OM 2395, OM 2517, OM 2717, OM 4495, OM 2718, OM 3242, OM 4305, MTL 149 (IR 56381-139-2-2), OM 2514, OM 4498.

(iii) Các giống lúa trung ngày thuộc nhóm A2 (10 giống) gồm: IR 64 (OM 89), OM 90-9, IR 9729-67-3, IR 72, TH 28, OM Fi 1, IR 62032, OM 269-65, OMĐS 20, OM 2822.

(iv) Các giống lúa dài ngày thuộc nhóm B (8 giống) gồm: NN 4B (IR 42), OM 344, IR 29723, OM 723-7, VN 92B, OM 1348-9, OM 1352-5, OM 1351.

(v) Các giống lúa thơm và đặc sản (8 giống) bao gồm: Khao Dawk Mali 105, Jasmine 85, Nàng thơm xóm, Nàng thơm Chợ Đào 5, ST 3 (Sóc Trăng 3), Nàng hương 2, ST 1(Sóc Trăng 1), ST 5 (Sóc Trăng 5).

(iv) Các giống lúa cạn (9 giống) gồm: CH 2, CH 3, CH 133, LC 88-66, LC 88-67-1, LC 90-4, LC 90-5, LC 93-1, LC 93-4.

Bảy mươi lăm giống lúa này đã được lai tạo chọn lọc và đề nghị xin công nhận bởi các cơ quan: Viện lúa đồng bằng sông Cửu long, 36 giống (chiếm tỷ lệ 48%), Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, 14 giống (18,7%), Trường Đại học Cần Thơ, 7 giống (9,3%), Viện lúa quốc tế IRRI (các giống này hiện nay vẫn còn giữ tên IR) 6 giống (8%), Trại giống Ma Lâm (Bình Thuận) 4 giống (5,3%), Tỉnh Sóc Trăng 3 giống (4%), Viện cây lương thực và thực phẩm, 3 giống (4%) và Viện bảo vệ thực vật, 2 giống (2,7%).

2) Kết quả điều tra giống lúa đang được trồng phổ biến tại các tỉnh phía Nam.

Các kết quả điều tra chủ yếu được tiến hành tại vùng đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL). Trong vụ Đông Xuân 2003-2004, các giống có tỷ lệ diện tích gieo trồng trên 5% là: IR 50404, OM 1490, VNĐ 95-20, OM 576, Jasmine 85, OMCS 2000, OM 2517 (Nguyễn Quốc Lý, 2007). Vụ Đông Xuân 2005-2006 các giống có diện tích gieo trồng đạt trên 5% là: Jasmine 85, OM 2717, OM 2517, IR 50404, OM 1490, VNĐ 95-20, OM 576, OM 2718, OM 2514 (Trương Thị Ngọc Chi, 2006).

Trong vụ Hè Thu và mùa năm 2003, các giống có diện tích gieo trồng trên 5% là: OM 1490, OM 576, OMCS 2000, IR 50404, VNĐ 95-20. Ở một nghiên cứu khác đã kết luận rằng trong vụ Hè Thu năm 2005, các giống có diện tích gieo trồng trên 5% là: OM 1490, OM 2517, OM 576, VNĐ 95-20, OM 2717, OM 2718, OMCS 2000, Jasmine 85.

3) Tần suất các giống lúa được chọn để khuyến cáo của Cục trồng trọt:

Trước mỗi vụ gieo trồng Cục trồng trọt đều khuyến cáo các giống lúa cho từng vùng cụ thể thuộc các tỉnh phía Nam (theo nghĩa hẹp, chỉ bao gồm vùng Đông Nam bộ và ĐBSCL). Các vùng sinh thái này bao gồm: Vùng phù sa ngọt, vùng Tây sông Hậu và Tứ giác Long Xuyên, vùng Đồng Tháp Mười, vùng bán đảo Cà Mau, vùng ven biển Nam bộ, vùng TP Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam bộ. Mỗi vùng đều được khuyến cáo các giống chủ lực, giống bổ sung và giống triển vọng (Cục Trồng trọt, 2007a).

Trong vụ Đông Xuân (cụ thể là Đông Xuân 2007-2008), tổng số lượt các giống được khuyến cáo theo các vùng và các cấp độ giống (chủ lực, bổ sung, triển vọng) khác nhau là:104 lượt. Các giống có tần suất giới thiệu cao ở mức 5,76 % gồm: OMCS 2000, Jasmine 85. Tần suất 4,80% có OM 4498, OM 2395,

VNĐ 95-20. Tần suất 3,85% với những giống OM 2517, OM 3536, OM 5930, OM 4900, OM 4668, AS 996, IR 64, IR 50404. Những giống có tần suất 2,88% là OM 6035, OM 576, OM 4495, MTL 384, Nếp, VĐ 20. Các giống có tần suất 1,92% là: OM 5625, OM 2717, OM 5936, OM 3242, MTL 392, B-TÉ1. Những giống có tỷ lệ khuyến cáo 0,96% (tức là chỉ được giới thiệu một lần trong tất cả các vùng ở tất cả các cấp độ giống) là: OM 2514, OM 5239, OM 4088, OM 492, OM 2718, OM 6073, OMCS 94, MTL 530, MTL 499, MTL 399, TNĐB 100, HĐ 1, ST 5, ML 48, VNĐ 99-3.

Trong vụ Hè Thu (cụ thể là vụ Hè Thu 2007) tổng số lượt các giống được khuyến cáo theo các vùng và các cấp độ khác nhau là 110 lượt. Những giống có tần suất giới thiệu cao ở mức 6,36% là: OM 5930. Các giống có tần suất giới thiệu cao kế tiếp ở mức 5,45% là: OMCS 2000, OM 4498, Jasmine 85, VNĐ 95-20. Các giống có tần suất 4,55% là: OM 2517, OM 3536, OM 4495, MTL 384, Nếp, IR 50404. Những giống có tần suất khuyến cáo ở mức 3,64% là: OM 576, AS 996. Tần suất 2,73% có: OM 4900, OM 2717, IR 64. Tần suất 1,82% có: OM 2395, OM 5239, OM 5936, OM 3242, OM 2718, MTL 392, MTL 499, ST 5. Những giống có tần suất khuyến cáo thấp nhất (0,91%) tức là chỉ được giới thiệu có một lượt trong tổng số 110 lượt của tất cả các giống là: OM 2514, OM 4088, OM 6073, OMCS 94, OM 1490, MTL 530, MTL 500, MTL 466, MTL 233, MTL 492, TNĐB 100, HĐ 1, ML 48, VNĐ 99-3, TH 6 và TH 41.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp & PTNT đang có chương trình lúa chất lượng cao với diện tích 1 triệu ha ở vùng ĐBSCL và những giống được khuyến cáo sử dụng cho vùng sản xuất này là: IR 64, VNĐ 95-20, OMCS 2000, OM 2517, OM 2717, OM 3536. Ngoài ra tại những vùng này cũng có thể sử dụng các giống như Jasmine 85, ST5 nhưng phải khống chế không quá 20% diện tích cho mỗi giống tại một huyện, tỉnh cụ thể (Cục Trồng trọt 2007b).

4) Các giống được đánh giá cao từ 1 đến 10 trong những năm gần đây.

a) Kết quả đánh giá vụ Đông Xuân 2006- 2007.

Những giống được đánh giá cao nhất (số phiếu bình chọn cao nhất) được viết trước và kế tiếp là các giống được bình chọn còn lại theo thứ tự (Viện lúa đồng bằng sông Cửu long, 2007).

- Tại Sóc Trăng: L 318, MTL 145, OM 6073, IR 59418, OM 4498, MTL 547, MTL 530, OM 5981, MTL 465, Tép Hành Đột Biên.
- Tại An Giang: HĐ1, OM 4655, OM 4498, MTL 384, OM 6073, OM 2395, OM 4926, MTL 494, OM 5930, OM 3649.
- Tại Long An: OM 4900, OM 6071, OM 5930, MTL 499, OM 4088, OM 6369, OM 5981, AS 996, OM 4498, OM 6073.
- Tại Kiên Giang: OM 4059, OM 3834, OMCS 2000, OM 4938, OM 5930, OM 4498, OM 5637, MTL 384.
- Tại Bến Tre: OM 6073, OM 4267, MTL 429, MTL 499, OM 5634, MTL 521, OM 6074, OM 4088, OM 1348, OM 3315.
- Tại VLĐBSCL: OM 4900, OM 6073, OM 5930, OM 4668, OM 6055, OM 5936, OM 5636, OM 5629, OM 6162, OM 5625.

b) Kết quả đánh giá vụ Đông Xuân 2007-2008.

- Tại Sóc Trăng MTL 547, OM 6073, OM 5981, OM 6162, OM 4900, OM 6055, OM 5627, OM 5930, OM 6677, OM 576.
- Tại An Giang: OM 4900, OM 6073, OM 2514, OM 4218, OM 2517, OM 6162, OM 4668, OM 4667, MTL 504, OM 4059.
- Tại Bạc Liêu: OM 4668, OM 2395, OM 1490, BL 4, OM 4197, BL 37, OM 6073, OM 4218, MTL 145, OM 6561-12.
- Tại VLĐBSCL (Ngày 20/3/2008): OM 6073, OM 4900, HG 2, OM 6000, OM 4668, OMCS 2009, OM 6162, OM 5636, OM 6600, OM 5240.
- Tại VLĐBSCL (Ngày 21/3/2008): OM 6073, OM 6162, OM 5464, OM 4900, OM 5472, HG2, OM 5886, OM 4059, OM 5199.(Viện lúa đồng bằng sông Cửu long, 2008a)
- Trường ĐHCĐ: MTL 499, MTL 466, MTL 555, MTL 500, MTL 589, MTL 599, MTL 523, MTL 560, MTL 567, MTL 495.

- Kiên Giang: OM 6561, OM 6073, IR 50404, OM 4900, OM 4191, OM 6162, OM 4655, OM 6055, OM 5451, OM 5490.
- Vĩnh Long: MTL 547, TN 100, OM 5199, OM 4900, OM 4214, OM 4059, OM 2008, OM 6073, OM 6162, OM 6072.
- Bến Tre: OM 2501, OM 2499, OM 2478, OM 5199, RD 25, OM 4900, OM 6063, OM 4101, OM 2008, OM 2474.
- Tiền Giang: MTL 567, OM 6073, OM 6072, OM 4668, MTL 598, OM 4059, MTL 555, OM 4101, OM 4900, OM 5981.

c) Kết quả đánh giá giống lúa vụ Hè Thu 2007.

- Tại Sóc Trăng: OM 6073, MTL 545, AS 996, OM 5627, MTL 499, IR 59418-78, MTL 547, MTL 421, L 353, OM 5981.
- Tại Tịnh Biên (An Giang): OM 4900, OM 6073, NV2 (Núi Voi 2), NV1 (Núi Voi 1), OM 4668, TB 1 (Tịnh Biên 1), HĐ 1 (Hòn Đất 1), OM 5930, MTL 466, OM 6162.
- Tại Bình Đức (An Giang): OM 4097, MTL 418, OM 5930, OM 4900, OM 5196, MTL 466, OM 2513, OM 5628, MTL 480.
- Tại Vĩnh Long: OM 5199-1, OM 5790, OM 4244, HG 2, MTL 555, OM 4597, OMCS 2000, OM 3315, MTL 513.
- Tại Bến Tre: OM 5634, OM 6561, OM 2008, OM 5199, OM 2499, MTL 567, OM 6067, OM 2818, OMCS 2000, OM 2501, MTL 557, OM 3315, MTL 469.
- Tại Long An: OM 4900, OM 6162, OM 5199, OM 5240, MTL 466, OM 5629, OM 4088, OM 3960, OM 5981, MTL 499, RD 25, OM 4661.
- Tại VLĐBSCL: OM 6162, OM 6073, OM 4900, OM 5451, OM 4088, OM 5199-1, OM 6055, OM 5930, OM 2478.

5) Các giống đang tham gia bộ khảo nghiệm quốc gia

Các cơ quan nghiên cứu, Viện trường tự tổ chức khảo nghiệm các giống lúa triển vọng của chính mình. Sau đó chọn những giống triển vọng nhất để gửi cho một cơ quan đánh giá độc lập là Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng trung ương. Cơ quan này sẽ tổ chức khảo nghiệm giống trên nhiều vùng sinh thái và qua nhiều năm. Những kết quả độc lập này là bắt buộc phải có để bổ sung hồ sơ xin công nhận giống lúa mới.

+ Danh sách các giống Khảo nghiệm quốc gia bộ A1 vụ Hè Thu 2007 bao gồm: MTL 485, MTL 499, MTL 500, HĐ 1, BT 1, TH 1, HG 1, OM 2513, OM 3315, OM 4088, OM 4668, OM 5240, OM 5625, OM 5628, OM 5634, OM 5636, OM 5900, OM 5930, OM 6035, OM 6055, OMCS 2000 (Đối chứng).

+ Danh sách các giống khảo nghiệm quốc gia bộ A2 vụ Hè Thu 2007 bao gồm:

TM3, MTL 466, MTL 480, MTL 532, OM 2488, OM 2501, OM 4286, OM 4900, OM 5239, OM 5936, OM 6073, OM 6162, KG1, IR 59606-5K-2, VN 24-4, VN 121, VN 124, VN 119, VNĐ 95-20 (Đối chứng)

Trong vụ Đông Xuân 2007-2008 danh sách các giống trong bộ khảo nghiệm quốc gia có sự thay đổi chút ít:

+ Bộ A1 gồm: OM 5625, OM 5629, OM 2628, OM 5886, OM 6377, OM 5633, OM 6511, OM 6055, OM 6297, OM 5900, OM 3689, OMCS 2000 (Đối chứng), OM 4244, OM 2478, OM 6561, OM 6035, OM 4059, HG 2, HĐ 1, BT 1, NV 1, MTL 504, MTL 499, MTL 523.

+ Bộ A2 gồm: OM 5936, OM 5637, OM 6162, OM 5199, OM 5981, OM 6521, OM 6876, OM 6064, OM 6062, OM 6063, OM 5634, OMCF 6, OMCF 9, OMCF 39, VN 24-4, VNĐ 95-20 (Đối chứng), VN 121, VN 124, MTL 466, MTL 498, MTL 532.

6) Các giống vừa mới được công nhận là giống quốc gia và các giống vừa được công nhận cho sản xuất thử

- Giống được công nhận quốc gia: Trong năm 2005, các giống được công nhận giống quốc gia là: OM 2717, OM 2514, OM 2718. Năm 2006 không có giống nào được công nhận. Năm 2007 có một giống được công nhận là OM 4498.
- Giống được công nhận tạm thời cho sản xuất thử: Trong năm 2007 có ba giống: OM 5930, OM 5239, OM 2008. Trong năm 2008 có tám giống là: OM 5199, OM 6561-12, OM 4059, OM 5636, OM 6073, OM 4668 (Viện lúa đồng bằng sông Cửu long, 2008b).

III) Hiện trạng về nhân giống lúa ba cấp tại các tỉnh phía Nam.

1) Hiện trạng

Giống siêu nguyên chủng được nhân lên chủ yếu tại VLĐBSCL, kể đến là VKHKTNNMN, Đại học Cần Thơ, Công ty giống cây trồng miền Nam và Trung tâm giống các tỉnh có đủ điều kiện. Giống nguyên chủng và xác nhận chủ yếu được nhân lên bởi Trung tâm giống các tỉnh, các công ty, hợp tác xã và câu lạc bộ. Hiện nay, tỷ lệ sử dụng giống xác nhận phục vụ sản xuất trong nhân dân còn thấp. Riêng tại ĐBSCL, nhu cầu lượng giống xác nhận hàng năm khoảng 400.000 tấn. Tuy nhiên lượng hạt giống cấp xác nhận chính qui (do các công ty sản xuất với qui trình kiểm định kiểm nghiệm đúng tiêu chuẩn) đạt khoảng 36.000 tấn/ năm, chiếm tỷ lệ 9%. Giống tương đương cấp xác nhận (hay còn gọi là giống xác nhận cộng đồng, do các câu lạc bộ, hợp tác xã nhân giống sản xuất) đạt khoảng 84.000 tấn / năm, chiếm tỷ lệ 21%. Tổng cộng cả hai nhóm giống cũng chỉ đạt khoảng 30% nhu cầu.

Nhiều tỉnh trong vùng đã chủ trương xã hội hóa công tác nhân giống để nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu hạt giống cấp xác nhận hàng năm cho sản xuất tại địa phương. Mỗi tỉnh đều có cách làm khác nhau.

Phương thức xã hội hóa công tác nhân giống lúa tại Bình Thuận: Trung tâm giống cây trồng Bình Thuận là đơn vị chủ công trong hoạt động này. Bên cạnh những giống lúa quen thuộc như ML 48, TH 6... Trung tâm nhập về các giống lúa mới để nhân lên như: ML 214, ML 211, IR 50404, OM 4498, MTL 384. Chủ trương của tỉnh là hỗ trợ 40% giá lúa giống nguyên chủng để các hợp tác xã, các câu lạc bộ mua về nhân giống xác nhận. Một ha. nhân giống xác nhận được tạm ứng 1,5 triệu đồng. Trung tâm thu mua lúa tươi tại ruộng bằng với giá thị trường tại thời điểm. Năm 2007, Trung tâm đã sản xuất hơn 1500 tấn lúa (trong đó có 450 tấn lúa nguyên chủng), tăng lên 400 tấn so với năm 2006. Hợp tác xã Liên Hương (Tuy Phong) có cách làm hay để kích lệ xã viên. Các giải pháp hỗ trợ là: 40% giá giống nguyên chủng, mua lúa đạt cấp giống xác nhận giá cao hơn 500 đồng/ kg so với lúa đại trà. Nếu không đạt lúa giống thì sẽ được hỗ trợ 300.000 đồng / ha vì công chăm sóc bổ sung khi nhân giống. Trích 10% từ lợi nhuận bán giống của HTX để thù lao cho người tham gia nhân giống. Năm 2007, HTX đã nhân được 67 tấn lúa xác nhận. Nhu cầu lúa giống trong tỉnh hàng năm khoảng 16.000 tấn. Dự kiến kế hoạch trong 3 năm là thỏa mãn 50% lượng giống xác nhận năm 2008, 60% năm 2009 và 70% năm 2010. Kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% giá lúa giống trong 3 năm là 2,1 tỷ đồng.

Tại Kiên Giang, các giống lúa được ưa chuộng trong sản xuất là: OM 2517, OM 4498, AS 996, OM 2718, OM 2395. Ngoài ra gần đây còn có những giống lúa mới như OM 5930, OM 5637, MTL 384 cũng được nhân lên. Nhu cầu lúa giống xác nhận trong tỉnh khoảng 70.000 tấn/ năm. Hiện nay giống xác nhận chỉ thỏa mãn được 20% nhu cầu của sản xuất. Trong vụ Đông xuân 2007-2008, tỉnh đã nhân 116 ha lúa nguyên chủng trong các trại của tỉnh tại Tân Hiệp, Mỹ Lâm (Hòn Đất) và Minh Lương (Châu Thành) với sản lượng đạt 450 tấn. Dự kiến năm 2008, sẽ thỏa mãn 41% nhu cầu giống xác nhận trong vụ Hè Thu và 51% trong vụ Đông Xuân (Mạnh Chung, 2008).

An Giang là tỉnh có phong trào xã hội hóa công tác giống lúa mạnh nhất toàn vùng ĐBSCL. Từ năm 2001, An Giang đã phát động chương trình xã hội hóa sản xuất lúa giống. Tỉnh đã phối hợp với Viện lúa đồng bằng sông Cửu long, Trường Đại học Cần Thơ, Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng trung ương đào tạo 25 cán bộ kỹ thuật sản xuất lúa giống để huấn luyện cho nông dân. Đã thành lập trên 200 tổ sản xuất giống và đào tạo kỹ năng nhân giống cho 6000 nông dân. Riêng vụ Đông Xuân 2006-2007, An giang có 3499 ha sản xuất lúa giống với sản lượng 19.245 tấn. Hiện nay tỉnh đã cung cấp được 75% nhu cầu hạt giống cấp xác nhận và xác nhận cộng đồng trong tỉnh. Tỉnh phấn đấu năm 2008 sẽ thỏa mãn 90% diện tích gieo trồng bằng giống xác nhận.

2) Thử đề xuất một giải pháp

Hàng năm, lúa giống cho vụ Đông Xuân đều khan hiếm vào giai đoạn tháng 10- 11. Chúng tôi thử chuẩn bị một bài toán với lời giải đáp chủ quan bằng cách tồn trữ yếm khí hạt giống từ vụ Đông Xuân này phục vụ cho vụ lúa Đông Xuân sang năm. Trong vùng, hàng năm có khoảng 1,5 triệu ha lúa Đông Xuân gieo sạ vào tháng 11-12 và khoảng 0,4 triệu ha lúa mùa, gieo cấy trong khoảng tháng 6-7. Vụ lúa Hè Thu khoảng 1,9 triệu ha gieo sạ trong tháng 4-5. Đối với lúa mùa địa phương, diện tích nhỏ và là lúa cấy nên cần lượng hạt giống ít, người nông dân có thể trữ bằng biện pháp truyền thống (kể cả treo giàn bếp) thì cũng giữ tốt được hạt giống từ khi thu hoạch vào tháng 1 và trữ cho đến tháng 6 hàng năm. Tuy nhiên nếu trữ yếm khí vẫn tốt hơn Với 1,9 triệu ha lúa Hè Thu, nhu cầu hạt giống khoảng 190.000 tấn. Với lượng hạt giống này cũng không cần phải tồn trữ yếm khí vì thời gian từ khi thu hoạch lúa Đông Xuân (tháng 2-3) đến khi gieo sạ lúa Hè Thu chính vụ (tháng 4-5) thì thời gian chỉ khoảng 2-4 tháng. Với cách tồn trữ bằng bao tải thông thường, hạt giống vẫn còn giữ tỷ lệ nảy mầm trên 80%.

Đối với 1,5 triệu ha lúa Đông Xuân, lượng hạt giống cần khoảng 150.000 tấn. Giả sử vụ lúa Thu Đông (lúa vụ ba không được khuyến khích trồng) cung cấp 50% lượng hạt giống cho Đông Xuân thì số lượng 50% còn lại là 75.000 tấn. Lượng hạt giống trên nên được tồn trữ yếm khí từ sản phẩm thu hoạch trong Đông Xuân 2007-2008 này. Mặc dù túi yếm khí có thể đảm bảo tỷ lệ nảy mầm trên 80% qua 12 tháng tồn trữ, tuy nhiên thật ra thời gian chỉ cần 9 tháng (tháng 3 đến tháng 11) từ khi thu hoạch vụ Đông Xuân này tới thời điểm gieo sạ vụ Đông Xuân sang năm. Do đó chắc chắn tỷ lệ nảy mầm còn trên 90%. Hiện nay số lượng và chất lượng các phòng kiểm nghiệm hạt giống chưa được thiết lập đầy đủ ở vùng ĐBSCL. Hướng phần đầu trước mắt chỉ nên là giống xác nhận cộng đồng. Chọn những ruộng của thành viên các câu lạc bộ, hợp tác xã, đã nhân từ giống nguyên chủng được biết rõ nguồn gốc, khử lẫn triệt để, kiểm định đồng ruộng đạt yêu cầu thì thu hoạch, phơi sấy giữ làm giống. Trong giai đoạn hiện nay đối với giống xác nhận cộng đồng, không nhất thiết phải gửi mẫu đi kiểm nghiệm hạt giống. Tồn trữ yếm khí đúng qui trình kỹ thuật. Cần hỗ trợ nông dân mua sắm và sử dụng túi yếm khí. Mỗi bao yếm khí chứa được 40 kg, do đó tổng số bao cần có để chứa hết 75.000 tấn lúa giống là 1.875.000 bao. Giá mỗi bao khoảng 9.000 đồng và tổng chi phí khoảng 16,875 tỷ. Nếu áp dụng chính sách hỗ trợ 40% như giá lúa giống thì tổng chi phí từ ngân sách là: 6,75 tỷ đồng cho toàn đồng bằng. Túi yếm khí nếu giữ kỹ có thể sử dụng 2 đến 3 năm vẫn phát huy tác dụng tốt. Tính trên cơ sở diện tích lúa Đông Xuân theo hiện trạng thì ngân sách mỗi tỉnh cần chi trong mùa Xuân năm 2008 này là: Long An (1055 triệu đồng) ; Tiền Giang (377,3) ; Bến Tre (93,2) ; Trà Vinh (237,6); Vĩnh Long (313,9); Đồng Tháp (925,4); An Giang (1040,2); Kiên Giang (1154,9) ; Cần Thơ (418,5); Hậu Giang (378,7); Sóc Trăng (628,4); Bạc Liêu (126,2). Cà Mau không đáng kể và chỉ vào khoảng một vài triệu đồng mỗi năm.

Hy vọng với kỹ thuật mới tồn trữ giống lúa bằng túi yếm khí và với phương thức hỗ trợ tài chính này thì chúng ta sẽ vượt qua được thách thức thiếu hụt lúa giống vào tháng 10 -11 khi bắt đầu gieo sạ vụ lúa quan trọng nhất trong năm - vụ Đông Xuân

IV) Viễn cảnh và một vài ý kiến đề xuất về tạo giống và nhân giống lúa vùng đồng bằng sông Cửu long.

+ Về tạo giống

Trong những năm gần đây, Bộ Nông nghiệp & PTNT và các Bộ ngành trung ương đã đầu tư rất nhiều cho các hoạt động nghiên cứu lai tạo chọn lọc giống để phục vụ ngành trồng lúa trong vùng. Các đầu tư này thể hiện rõ nét trong đào tạo nguồn nhân lực (đặc biệt là nhân lực ngành công nghệ sinh học), trang thiết bị, kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất. Với những đầu tư đó các cơ sở như VLĐBSCL, VKHKTNMNMN, ĐHCT sẽ đảm đương được công tác tạo ra những giống lúa mới năng suất cao, chất lượng gạo cao, chống chịu điều kiện khắc nghiệt của môi trường và đặc biệt kháng được sâu bệnh, cụ thể là rầy nâu, bệnh vàng lùn lùn xoắn lá, đạo ôn và các loại dịch hại khác. Tuy nhiên giống lúa chỉ là một hợp phần trong quản lý cây trồng tổng hợp. Thách thức lớn nhất trong vùng hiện nay là trên đồng lúa nào cũng có lúa nên rầy nâu di chuyển từ cánh đồng này sang cánh đồng khác để sinh sống, nhân mật số và truyền bệnh. Đề nghị nhà nước trung ương cùng với chính quyền ở các địa phương cần có chiến lược tổng thể sắp xếp lại mùa vụ toàn đồng bằng để cắt chuỗi sinh sống liên tục của rầy nâu nhằm bảo vệ sản xuất lúa trong vùng. Hướng phần đầu là mỗi năm có hai đợt, mỗi đợt một tháng hoàn toàn không có lúa trên đồng. Đợt một từ 1 tháng 4 đến 30/ 4 và đợt hai từ 1/10 đến 30/10 hàng năm. Chỉ có như thế thì áp lực rầy nâu và các loại sâu bệnh

khác mới giảm. Trong bối cảnh môi trường và cơ cấu mùa vụ như vậy thì các giống lúa mới được tạo ra (kể cả giống kháng sâu bệnh cao) mới có điều kiện tồn tại lâu dài trong sản xuất.

+ Về nhân giống

-Lượng hạt giống xác nhận cần cho vùng ĐBSCL là rất lớn, khoảng 400.000 tấn /năm. Các Viện, Trường, Trung tâm khuyến nông, Trung tâm giống cấp tỉnh cần tập trung cho việc nhân giống siêu nguyên chủng và nguyên chủng đạt tiêu chuẩn chất lượng và có thương hiệu chính qui. Các công ty tham gia một phần nhân giống xác nhận. Phần lớn số lượng còn lại phải xã hội hóa để người dân nhân lên với khối lượng lớn ở các hợp tác xã và các câu lạc bộ. Đề nghị nhà nước trung ương và chính quyền ở các địa phương trong vùng cần có một chương trình tổng thể dài hạn và đề cập đến tất cả các mặt liên quan đến kinh tế, xã hội và khoa học kỹ thuật để chương trình xã hội hóa công tác giống lúa trong vùng thành công trong thời gian sớm nhất

Tài liệu tham khảo

Cục Trồng trọt (2007a). Tình hình giống lúa năm 2007 và định hướng cơ cấu giống lúa vụ Đông Xuân 2007-2008 ở các tỉnh Nam bộ. Hội thảo tại TP Hồ Chí Minh ngày 6 /9 /2007.

Cục Trồng trọt (2007b). Báo cáo tình hình sản xuất lúa đến ngày 29 tháng 11 năm 2007. Hội nghị tại Tiền Giang ngày 29/11/2007.

Mạnh Chung (2007). Chậm xã hội hóa sản xuất giống lúa: tổn hàng chục tỷ đồng /năm. www.kiengiang.gov.vn

Nhân dân (2008). Xã hội hóa sản xuất giống lúa tại Bình Thuận. www.khoahocchonhanong.com.vn

Nguyễn Quốc Lý (2007). Giống lúa giai đoạn 2003-2006 và đề xuất cơ cấu giống vụ Hè Thu và Mùa 2007 ở Nam bộ. Trong Tuyển tập Diễn đàn Khuyến nông Công nghệ “ Các giải pháp kỹ thuật thích hợp cho vụ lúa Hè Thu 2007 ở Nam bộ”. An Giang ngày 20 tháng 4 năm 2007. Trang 40-44.

Phạm Đồng Quảng, Phạm Thị Tài, Lê Quý Tường và Nguyễn Quốc Lý (2005). 575 giống cây trồng nông nghiệp mới. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 412 trang.

Trần Văn Đạt (2001). Những tiến bộ trong ngành sản xuất lúa gạo ở Việt nam và sự cần thiết phải chuyển đổi cơ cấu trong thời gian tới. Trong quyển “ Cây lúa Việt Nam thế kỷ 20” do GS.TS. Nguyễn Văn Luật chủ biên. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà nội.

Trương thị Ngọc Chi (2006). Qui mô áp dụng tiến bộ kỹ thuật ở đồng bằng sông Cửu long. Tài liệu chưa xuất bản.

TTXVN (2007). An Giang: năm 2008 đáp ứng giống lúa chất lượng cao gieo trồng 90% diện tích. www.nongdan.vn.

Viện lúa đồng bằng sông Cửu long (2007). Báo cáo hội thảo đánh giá giống lúa và sơ kết công tác nghiên cứu về rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá vụ Đông Xuân 2006-2007. Cần thơ ngày 6/3/2007.

Viện lúa đồng bằng sông Cửu long (2008a). Hội thảo đánh giá giống vụ Đông Xuân 2007-2008. Cần thơ ngày 21/3/2008.

Viện lúa đồng bằng sông Cửu long (2008b). Tài liệu lưu trữ tại Phòng khoa học và hợp tác quốc tế.

(Ghi chú: Bài này đã được biên tập và đăng trong Tuyển tập: “ Hội nghị sơ kết sản xuất vụ Đông Xuân 2007-2008, triển khai kế hoạch sản xuất Hè Thu 2008 tại các tỉnh vùng ĐNB và ĐBSCL” do Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp &PTNT in ấn và phát hành. Hội nghị được tổ chức vào ngày 9 tháng 4 năm 2008 tại Hội trường Bộ Nông nghiệp & PTNT, 135 Pasteur TP Hồ Chí Minh)